

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Xây dựng – Kiến trúc**; Chuyên ngành: **Quản lý xây dựng**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐINH TUẤN HẢI**

2. Ngày tháng năm sinh: 11/09/1973; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: Không

4. Quê quán: xã Lâm Trung Thủy, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 30 ngõ 403 phố Bạch Mai, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thi công và Máy xây dựng, Khoa Xây Dựng, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Km 10 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại di động: 0985299349 (Zalo) và 0903229506; E-mail: haidt@hau.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 7 năm 1995 đến tháng 9 năm 2001: Đi làm cho một số các công ty xây dựng tại các công trường xây dựng trong cả nước. Vị trí làm việc là kỹ sư xây dựng với các công việc như giám sát thi công, quản lý hợp đồng, giám định khối lượng, và quản lý công trường.

- Từ tháng 10 năm 2001 đến tháng 9 năm 2006: Học thạc sỹ và tiến sỹ ở nước ngoài.

- Từ tháng 1 năm 2007 đến ngày 14 tháng 5 năm 2021: Giảng viên tại Bộ môn Kinh tế đô thị và Quản lý dự án, Khoa Quản lý đô thị, Trường đại học Kiến trúc Hà Nội. Vị trí làm việc là giảng viên tập sự, giảng viên và giảng viên cao cấp (từ năm 2015).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ ngày 15 tháng 5 năm 2021 đến nay: Giảng viên tại Bộ môn Thi công và Máy xây dựng, Khoa Xây dựng, Trường đại học Kiến trúc Hà Nội. Vị trí làm việc là giảng viên cao cấp.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên cao cấp; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên cao cấp

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Thi công và Máy xây dựng, Khoa Xây dựng, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Km10 đường Nguyễn Trãi quận Thanh Xuân thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024. 3854 1616

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Trong thời gian qua, tôi có tham gia giảng dạy một số môn học, hướng dẫn sau đại học và tham gia các hội đồng khoa học của một số cơ sở đào tạo đại học trong cả nước. Đó là các trường: Đại học xây dựng Hà Nội, Đại học học Thủy lợi, Đại học Giao thông vận tải, Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Hải Phòng, Đại học Quốc gia Hà Nội,

8. Đã nghỉ hưu: đang công tác, chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng đại học ngày 20 tháng 06 năm 1995; số văn bằng: A127301; ngành: Kỹ thuật xây dựng, chuyên ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Nơi cấp bằng ĐH: Trường đại học xây dựng Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng thạc sỹ ngày 18 tháng 04 năm 2003; số văn bằng: Không ghi trên bằng; ngành: Kỹ thuật Xây dựng, chuyên ngành: Công nghệ và quản lý xây dựng; Nơi cấp bằng Ths: Học viện kỹ thuật châu Á (AIT), Thái Lan

- Được cấp bằng tiến sỹ ngày 30 tháng 09 năm 2006; số văn bằng: 106; ngành: Kỹ thuật xây dựng, chuyên ngành: Xây dựng; Nơi cấp bằng TS: Trường đại học Quốc gia Yokohama, Nhật Bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 14 tháng 02 năm 2015, theo quyết định số 75/QĐ-ĐHKT-TH của Hiệu trưởng trường Đại học kiến trúc Hà Nội ngành: Xây dựng

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường đại học Kiến trúc Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành: Xây dựng – Kiến trúc

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Trong suốt quá trình từ khi ra trường, đi làm thực tiễn, học thêm ở các cấp học sau đại học và đặc biệt là từ khi là giảng viên tại trường đại học Kiến trúc Hà Nội, tôi đã xác định được rõ các hướng nghiên cứu chính nhằm phục vụ cho nhiệm vụ giảng dạy đại học (và sau đại học) và cho các nghiên cứu lý thuyết và ứng dụng thực tiễn nhằm phục vụ cho đất nước cũng như trường Đại học Kiến trúc Hà Nội được tốt hơn. Tôi đã xác định các hướng nghiên cứu chính như sau:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Hướng nghiên cứu 1 - Quản lý xây dựng, có bao gồm Quản lý dự án đầu tư xây dựng
- Hướng nghiên cứu 2 - Quản lý đô thị và nông thôn (bao gồm các nội dung về Kinh tế đô thị, Tài chính đô thị, Giao thông đô thị và Hạ tầng đô thị - nông thôn)
- Hướng nghiên cứu 3 – Nâng cao chất lượng đào tạo, Công nghệ mới trong xây dựng, Nghiên cứu đa ngành – đa lĩnh vực, ... (sẽ phát triển tiếp trong tương lai)

Chi tiết về các hướng nghiên cứu chính được thể hiện trong Báo cáo khoa học tổng quan, phần 11 của Quyển 1 (Trang 143-153)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 02 NCS bảo vệ thành công luận án tiến sỹ;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 02 đề tài cấp cơ sở (CN); 02 đề tài cấp bộ (CN); 01 đề tài cấp thành phố (CN).
- Đã công bố (số lượng) 82 bài báo khoa học, trong đó 26 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) KHÔNG bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 11, trong đó 11 thuộc nhà xuất bản có uy tín; bao gồm: 03 sách chuyên khảo, 04 sách giáo trình, và 04 sách tham khảo
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: KHÔNG

15. Khen thưởng: KHÔNG

16. Kỷ luật: KHÔNG

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Từ khi còn học đại học, cho đến khi ra trường đi làm và đặc biệt từ khi trở thành giảng viên của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, tôi luôn giữ vững lập trường, tư tưởng và phẩm chất của một công dân tốt của đất nước cũng như chấp hành tốt các đường lối, chủ trương của Nhà nước cũng như những quy định chung của nhà trường và của khu vực dân cư nơi đang sinh sống. Tôi luôn tự rèn luyện tu dưỡng đạo đức, phẩm chất và ứng xử, đạt tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng theo quy định. Tôi luôn cố gắng nâng cao trình độ chuyên môn bản thân, chủ động giao lưu và trao đổi học thuật trong nước và quốc tế nhằm giúp ích trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Về giảng dạy, tôi xác định đây là nhiệm vụ chính, quan trọng nhất của một giảng viên đại học. Theo nhiệm vụ phân công của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, tôi đã tham gia giảng dạy các môn học quan trọng cho các hệ đào tạo khác nhau như Đại học, Cao học và Tiến sỹ. Đó là các môn

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước như Lập và phân tích dự án đô thị (xây dựng), Quản lý dự án xây dựng, Kinh tế đô thị, Tài chính đô thị, Đấu thầu trong xây dựng, Hợp đồng trong xây dựng và Pháp luật xây dựng. Ngoài ra một số các cơ sở đào tạo cũng có mời tôi tham gia giảng dạy thỉnh giảng một số môn mà họ còn thiếu giảng viên và tôi có thể mạnh. Tôi cũng tham gia hướng dẫn học viên cao học và nghiên cứu sinh tiến sỹ thực hiện các luận văn, luận án và bài báo khoa học, cũng như tham gia các hội đồng đề cương, tiến độ và bảo vệ tốt nghiệp. Trong quá trình giảng dạy, với nhiệt huyết và tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp cao, tôi luôn được người học đánh giá cao và được các cơ sở đào tạo tín nhiệm.

Về nghiên cứu khoa học, tôi coi như một nhiệm vụ quan trọng cần thực hiện đối với bản thân khi là một giảng viên đại học. Các kết quả của nghiên cứu khoa học giúp tôi bổ trợ thêm các kiến thức lý thuyết và thực tiễn để phục vụ tốt hơn cho các giờ giảng trên lớp. Đồng thời các sản phẩm nghiên cứu khoa học còn được sử dụng như những tài liệu tham khảo và chuyên khảo, phục vụ cho các bài giảng với sinh viên đại học và học viên cao học, tiến sỹ. Tôi đã chủ trì và tham gia vào nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài trường, như các đề tài nghiên cứu cấp quốc gia, cấp bộ, cấp thành phố và cấp trường cũng như những dự án nghiên cứu thực tiễn phục vụ cho nền kinh tế đất nước.

Ngoài ra, tôi cũng luôn quan tâm, tự nguyện đóng góp và tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo và các công việc khác nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nói chung của đất nước, của ngành xây dựng – kiến trúc, của trường đại học Kiến trúc Hà Nội và của chính bản thân. Tự nhận vẫn còn nhiều hiểu biết và kinh nghiệm chưa hoàn thiện, cần nâng cao thêm nên bản thân phải luôn cố gắng phấn đấu không ngừng nhằm nâng cao hiểu biết, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 17 năm 06 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019	03		03		298	30	328/553/270
2	2019-2020	02		03		372	30	402/627/270
3	2020-2021	02		02		274		274/369/270
3 năm học cuối								
4	2021-2022	02		02		353	90	443/623/270
5	2022-2023	02		01		349		349/559/270
6	2023-2024	02		02		460		460/740/270

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận văn Ths ; tại nước: Thái Lan, năm 2003, bằng tiếng Anh

- Bảo vệ luận án TS ; tại nước: Nhật Bản, năm 2006, bằng tiếng Anh

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: bằng C tiếng Anh

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: giảng dạy tốt bằng tiếng Anh

d) Đối tượng khác:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Giấy chứng nhận ngoại ngữ trình độ C1 ngày 24 tháng 10 năm 1994 của Trường đại học sư phạm, Ngoại ngữ Hà Nội.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Thúy	X		X		2015 - 2020	Trường đại học Kiến trúc Hà Nội	QĐ số 204/QĐ-ĐHKT-SĐH ngày 04/12/2020
2	Nguyễn Quang Vinh	X		X		2016-2024	Trường đại học Kiến trúc Hà Nội	QĐ số 39/QĐ-ĐHKT-SĐH ngày 02/4/2024

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	2	3	4	5	6	7	8
Trước khi được công nhận chức danh phó giáo sư							
1	Quản lý dự án xây dựng	TK	NXB xây dựng, 2008 ISBN: 6X-6X9-18-2012	01	X	356 trang	Đại học Kiến trúc Hà Nội
2	Value Chain Management for Vietnamese Construction Industry	TK	NXB LAP LAMBERT Academic Publishing AG & Co. KG, Đức, 2009 ISBN: 978-3-8383-0224-9	01	X	156 trang	Đại học Kiến trúc Hà Nội
3	Quản trị nguồn nhân lực ngành xây dựng	TK	NXB Khoa Học và Kỹ Thuật, 2010 ISBN: 210213.M00	01	X	280 trang	Đại học Kiến trúc Hà Nội
4	Quản lý dự án trong giai đoạn xây dựng	GT	NXB xây dựng, 2012 ISBN: 6X-6X9-36-2013	02	X	396 trang	Đại học xây dựng
5	Phân tích các mô hình quản lý trong xây dựng	TK	NXB xây dựng, 2014 ISBN: 978-604-82-1372-5	02	X	178 trang	Đại học kiến trúc Hà Nội

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

1	2	3	4	5	6	7	8
Sau khi được công nhận chức danh phó giáo sư							
6	Quản lý rủi ro trong xây dựng	GT	NXB xây dựng, 2016 ISBN: 978-604-825-1944-4	02	X	196 trang	Đại học Kiến trúc Hà Nội Đại học xây dựng
7	Bridge Management Framework by Computer-aided Expert System	CK	NXB LAP LAMBERT Academic Publishing AG & Co. KG, Đức, 2020 ISBN: 978-620-2-52761-3	01	X	181 trang	Đại học xây dựng
8	Năng suất lao động trong xây dựng	CK	NXB xây dựng, 2021 ISBN: 978-604-82-3857-5	04	X	288 trang	Đại học Kiến trúc Hà Nội Đại học xây dựng
9	Kinh tế và Tài chính đô thị	GT	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2021 ISBN: 978-604-342-190-3	01	X	287 trang	Đại học Quốc Gia Hà Nội
10	Lập và Phân tích dự án đô thị	GT	NXB Khoa Học và Kỹ Thuật, 2023 ISBN: 210213.M00	05	X	320 trang	Đại học kiến trúc Hà Nội
11	Quản lý dự án đô thị - Các quá trình cơ bản	CK	NXB đại học kinh tế quốc dân ISBN: 978-604-946-820-9	02	X	396 trang	Đại học kinh tế quốc dân

Trong đó, số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản xuất bản sau khi được phong PGS: 03 / số thứ tự 7, 8, 11.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi được công nhận chức danh phó giáo sư					
1	Cấp trường: Nâng cao hiệu quả giảng dạy môn học Quản lý dự án cho SV chuyên ngành Quản lý đô thị tại trường ĐH Kiến trúc HN	CN	Số 20/QĐ-ĐHKTKHCN-HTQT Đề tài cấp trường	2010	5/11/2010 Đạt
2	Cấp trường: Nghiên cứu cải tiến các mô hình quản lý dự án nhằm nâng cao hiệu quả quản lý dự án ngành xây dựng	CN	Số 1100/HĐ-ĐHKTKH.QT Đề tài cấp trường	2014	23/9/2014 Đạt
3	Cấp bộ: Xây dựng mới tiêu chuẩn Việt Nam “Quản lý tài liệu cho dự án xây dựng”	CN	Số 35/HĐ-ĐHCN Đề tài cấp bộ xây dựng	2011-2014	24/9/2014 Khá
Sau khi được công nhận chức danh phó giáo sư					
4	Cấp thành phố: Đề xuất mô hình quản lý hạ tầng kỹ thuật nông thôn trong quá xây dựng nông thôn mới ở Hà Nội	CN	Mã số 01C-04/10-2013-2 Đề tài cấp thành phố Hà Nội	2013-2014	31/12/2014 Đạt
5	Cấp bộ: Xây dựng mô hình hợp lý trong quản lý cơ sở hạ tầng nông thôn Việt Nam	CN	Số 67/HĐ-KHCN, Mã số KD67-16 Đề tài cấp bộ XD	2016-2018	10/7/2018 Khá

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I - TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ								
I.1. Hướng nghiên cứu 1 - Quản lý xây dựng (bao gồm Quản lý dự án đầu tư xây dựng)								
1	Một Số Khó Khăn Thường Gặp Trong Các Dự Án Xây Dựng Tại Việt Nam Theo Quan Điểm Nhà Đầu Tư	1	X	Tạp chí Xây Dựng ISSN: 2734-9888			Số. 01/2007, trang 12-15	2007
2	Thực trạng quản lý dự án xây dựng và giảng dạy môn học quản lý dự án tại VN	1	X	Tạp chí Người Xây Dựng ISSN: 8066-8531			Số. 07/2010, trang 03-05	2010
3	Các mô hình quản lý dự án và khả năng áp dụng trong ngành xây dựng ở Việt Nam	2	X	Tạp Chí Xây Dựng ISSN: 2734-9888			Số 04/2011, trang 56-60	2011
4	Phân tích các hình thức đấu thầu quốc tế đang áp dụng phổ biến tại Việt Nam	1	X	Tạp Chí Xây Dựng ISSN: 2734-9888			Số 07/2011, trang 55-57	2011
5	Áp dụng cấu trúc phân nhỏ công việc (WBS) trong quản lý xây dựng tại Việt Nam	1	X	Tạp Chí Xây Dựng ISSN: 2734-9888			Số 04/2012, trang 87-89	2012
6	So sánh về hình thức tuyển chọn tư vấn xây dựng giữa hệ thống hiện hữu của Việt Nam và hệ thống của ngân hàng phát triển châu Á	1	X	Tạp Chí Xây Dựng ISSN: 2734-9888			Số. 10/2012, trang 56-58	2012
7	Quản lý tài liệu trong các dự án xây dựng	2	X	Tạp Chí Xây dựng ISSN: 2734-9888			Số 11/2012, trang 72-76	2012
8	Thực trạng công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng sử dụng vốn NSNN	1	X	Tạp Chí Người Xây Dựng ISSN: 8066-8531			Số. 3&4/2013, trang 47-49	2013
9	Nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng xây dựng sử dụng vốn ngân sách	1	X	Tạp Chí Khoa Học Kiến Trúc và XD ISSN: 1859-350X			Số 11, 6.2013, trang 65-69	2013
10	Cơ cấu tổ chức trong quản lý dự án ngành xây dựng	1	X	Tạp Chí Người Xây Dựng ISSN: 8066-8531			Số. 9&10/2013, trang 75-79	2013
11	Phân tích các mô hình quản lý áp dụng cho doanh nghiệp ngành xây dựng	2		Tạp Chí Xây Dựng ISSN: 2734-9888			Số 1/2014, trang 97-99	2014
12	Phân tích các khía cạnh trong hợp đồng chuyển giao (BT)	2		Tạp Chí Xây Dựng ISSN: 2734-9888			Số 2/2014, trang 128-132	2014
13	Tư vấn quản lý dự án hỗ trợ nhà thầu – hướng phát triển mới trong ngành XD VN	1	X	Tạp Chí Người Xây Dựng ISSN: 8066-8531			Số. 03&04/2014, trang 48-53	2014
14	Quản lý rủi ro trong thi công xây dựng tầng hầm nhà cao tầng	1	X	Tạp Chí Xây Dựng và Đô thị ISSN: 1859-3119			Số. 35-2014, trang 53-56	2014

1	2	3	4	5	6	7	8	9
15	Những vấn đề chung về lập kế hoạch đấu thầu dự án đầu tư xây dựng công trình	2		Tạp Chí Xây Dựng ISSN: 2734-9888			Số 7/2014, trang 77-80	2014
16	Giải pháp phát triển nguồn nhân lực ngành xây dựng	2		Tạp Chí Xây Dựng ISSN 2734-9888			Số 7/2014, trang 122-124	2014
I.2. Hướng nghiên cứu 2 - Quản lý đô thị và nông thôn (bao gồm các nội dung về Kinh tế đô thị, Tài chính đô thị, Giao thông đô thị và Hạ tầng đô thị - nông thôn)								
17	Những trục trặc thường gặp với các căn hộ chung cư	1	X	Tạp Chí Xây Dựng ISSN: 2734-9888			Số. 10/2009, trang 46-51	2009
18	Đề xuất phương pháp hệ số ưu tiên cho duy tu bảo dưỡng cầu đường bộ VN.	1	X	Tạp Chí Giao Thông Vận Tải ISSN: 2354-0818			Số. 7/2005, trang 56-57	2005
19	Đề xuất Hệ Thống Cơ Sở Dữ Liệu Phục Vụ Cho Việc Quản Lý và Bảo Dưỡng Cầu Đường Bộ VN	1	X	Tạp Chí Giao Thông Vận Tải ISSN: 2354-0818			Số. 7/2006, trang 51-53	2006
20	QLNN với hệ thống HTKT nông thôn trong quá trình XD nông thôn mới HN	1	X	Tạp Chí Người Xây Dựng ISSN: 8066-8531			Số. 7&8/2013, trang 52-56	2013
21	Tiêu chí xây dựng nông thôn mới với việc phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật nông thôn tại Hà Nội	1	X	Tạp Chí Người Xây Dựng ISSN: 8066-8531			Số. 11&12/2013, trang 21-25	2013
22	Đề xuất giải pháp quản lý rủi ro trong thi công xây dựng tầng hầm nhà cao tầng	1	X	Tạp Chí Kết Cấu và Công Nghệ Xây Dựng ISSN: 1859-3194			Số. 14/I- 2014, trang 36-45	2014
23	Thực trạng quản lý hệ thống giao thông nông thôn Hà Nội trong quá trình xây dựng nông thôn mới	2	X	Tạp Chí Người Xây Dựng ISSN: 8066-8531			Số. 05&06/2014, trang 38-40	2014
24	Đề xuất mô hình quản lý và quy chế quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật nông thôn HN	1	X	Tạp Chí Người Xây Dựng ISSN: 8066-8531			Số. 7&8/2014, trang 32-35	2014
25	Current Status of Existing Railway Bridges in Vietnam: An Analysis of Steel Deficiencies	1	X	Journal of Constructional Steel Research ISSN: 0143-974X	ISI (SCIE) Scopus Q1 (IF: 4.100)		Số 62 (2006), trang 987-994	2006
26	Present Condition of Highway Bridge in Vietnam: An Analysis of Current Failure Modes and their Main Causes	3	X	Journal of Structure and Infrastructure Engineering ISSN: 1744-8980	ISI (SCIE) Scopus Q1 (3.700)		Số 3(1), trang 61-73	2007
27	A computerized database for maintenance and management of highway bridges in VN	1	X	Journal of Bridge Engineering ISSN: 1943-5592	ISI (SCIE) Scopus Q1 (IF: 3.600)		Số 13(3), trang 245-257	2008
28	Maintenance Prioritization Method for Network Bridges	1	X	Journal of Structure and Infrastructure Engineering ISSN: 1744-8980	ISI (SCIE) Scopus Q1 (IF: 3.700)		Số 5, phần 5, trang 381-394	2009

1	2	3	4	5	6	7	8	9
29	Reinforced concrete bridges in Vietnam – specific problems and proposed maintenance strategies	3	X	Journal of Structure and Infrastructure Engineering ISSN: 1744-8980	ISI (SCIE) Scopus Q1 (IF: 3.700)		Số 7, phần 9, trang 689-699	2011

I.3. Hướng nghiên cứu 3 – Nâng cao chất lượng đào tạo, Công nghệ mới trong xây dựng, Nghiên cứu đa ngành – đa lĩnh vực, ... (sẽ phát triển tiếp trong tương lai)

30	Đánh Giá Hiệu Quả Sử Dụng Nguồn Vốn Đầu Tư ODA Theo Tinh Thần Của Tuyên Bố Paris về Hiệu Quả Viện Trợ	1	X	Tạp Chí Xây Dựng ISSN: 2734-9888			Số. 05/2008, trang 12-15	2008
31	Các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy môn học quản lý dự án xây dựng tại Việt Nam	1	X	Tạp Chí Xây Dựng ISSN: 2734-9888			Số 12/2010, trang 71-74	2010
32	Tìm hiểu thực trạng người lao động xây dựng ngoại tỉnh đang làm việc tại HN	2		Tạp Chí Người Xây Dựng ISSN 8066-8531			Số. 1+2/2010, trang 19-22	2010
33	Đề xuất giải pháp quản lý người lao động xây dựng ngoại tỉnh làm việc tại các công ty xây dựng tại HN	2		Tạp Chí Người Xây Dựng ISSN: 8066-8531			Số. 11/2010, trang 17-20	2010
34	Quản lý rủi ro tài chính trong các doanh nghiệp ngành xây dựng	1	X	Tạp Chí Kinh Tế Xây Dựng ISSN: 1859-4921			Số 01/2014, trang 18-23	2014
35	Phân tích thực trạng và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành XD	2	X	Tạp Chí Kinh Tế Xây Dựng ISSN: 1859-4921			Số 04/2014, trang 12-17	2014

II - SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

II.1. Hướng nghiên cứu 1 - Quản lý xây dựng (bao gồm Quản lý dự án đầu tư xây dựng)

36	Đề xuất cải tiến các mô hình quản lý dự án nhằm nâng cao hiệu quả quản lý dự án ngành xây dựng	1	X	Tạp Chí Người Xây Dựng ISSN: 8066-8531			Số. 1&2/2015, trang 31-34	2015
37	Giải pháp hoàn thiện công tác lập kế hoạch đấu thầu cho dự án đầu tư xây dựng công trình	2		Tạp Chí Xây Dựng ISSN: 2734-9888			Số 1/2015, trang 97-100	2015
38	Giới thiệu về khái niệm sản xuất tức thời và khả năng áp dụng trong ngành xây dựng	2	X	Tạp Chí Kinh Tế Xây Dựng ISSN: 1859-4921			Số 03/2015, trang 40-42	2015
39	Phân tích thực trạng các mô hình quản lý dự án hiện đang áp dụng phổ biến trong ngành xây dựng	1	X	Tạp Chí Khoa Học Kiến Trúc và Xây Dựng ISSN: 1859-350X			Số 19, 9.2015, trang 73-78	2015
40	Sử dụng mô hình phân tích nhân tố với phép xoay các nhân tố Varimax để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa thầu chính và thầu phụ	2		Tạp Chí Người Xây Dựng ISSN: 8066-8531			Số. 5&6/2016, trang 15-20	2016

1	2	3	4	5	6	7	8	9
41	Giải pháp nâng cao năng xuất lao động trong xây dựng	2	X	Tạp Chí Kinh Tế Xây Dựng ISSN: 1859-4921			Số 02/2016, trang 36-40	2016
42	Một số giải pháp điều chỉnh giá HĐ trong thi công XD giai đoạn có biến động giá	2		Tạp Chí Người Xây Dựng ISSN: 8066-8531			Số. 9&10/2016, trang 22-27	2016
43	Giải pháp nâng cao chất lượng lập tổng mức đầu tư XD công trình Thủy lợi	2	X	Tạp Chí Kinh Tế Xây Dựng ISSN: 1859-4921			Số 04/2016, trang 18-21	2016
44	Nghiên cứu về nhân tố ảnh hưởng tới thành công trong tư vấn xây dựng tại VN	2		Tạp Chí Người Xây Dựng ISSN: 8066-8531			Số 9&10/2018, trang 12-15	2018
45	Giải pháp quản lý rủi ro các DA đầu tư phát triển đô thị	2		Tạp Chí Xây Dựng ISSN: 2734-9888			Số 5/2019, trang 88-92	2019
46	Solution for Risk Management on Implementation Phase of Construction Projects in Vietnam	2	X	Int. Conference on Sustainable Development in Civil Engineering, ISBN: 978-604-82-1984-0	Hội thảo quốc tế		trang 71-78	2016
47	Assessment of Contractors' Claims on Construction Projects in Vietnam.	1	X	The Open Civil Engineering Journal ISSN: 1874-1495	Scopus (IF: 2.100)		Số. 2019(13), trang 218-228	2019
48	Application of the Regression Model for Evaluating Factors Affecting Construction Workers' Labor Productivity in Vietnam	2	X	The Open Construction and Building Technology Journal ISSN: 1874-8368	Scopus (IF: 2.100)		Số 2019(13), trang 353-362	2019
49	Contract Form for Building Information Modelling Projects Applied on Construction Industry in VN	3	X	IOP Conference Series: Materials Science and Engineering ISBN: 1755-1315	Hội thảo quốc tế có uy tín Scopus		Số. 869(2020), trang 06-2005	2020
50	Management Model for Nuclear Power Station Project in Vietnam.	1	X				Số. 869(2020), trang 06-2016	
II.2. Hướng nghiên cứu 2 - Quản lý đô thị và nông thôn (bao gồm các nội dung về Kinh tế Tài chính đô thị, Giao thông đô thị và Hạ tầng đô thị - nông thôn)								
51	Phân tích và đề xuất biện pháp nâng cao khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành XD	2	X	Tạp Chí Kinh Tế Xây Dựng ISSN: 1859-4921			Số 02/2015, trang 14-20	2015
52	Đánh giá thực trạng hệ thống cấp điện, cấp nước nông thôn Hà Nội	2	X	TC Khoa Học Kiến Trúc và Xây Dựng ISSN: 1859-350X			Số 17, tháng 3.2015, trang 70-74.	2015
53	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng và giải pháp tăng cường sự tham gia cộng đồng trong phát triển cơ sở hạ tầng đường giao thông nông thôn tỉnh Đồng Nai	2		Tạp Chí Kinh Tế Xây Dựng ISSN: 1859-4921			Số 04/2015, trang 37-46	2015

1	2	3	4	5	6	7	8	9
54	Xác định rủi ro cho các dự án đầu tư phát triển đô thị	2		Tạp Chí Người Xây Dựng ISSN: 8066-8531			Số. 3&4/2018, trang 7-10	2018
55	Mô hình hợp lý quản lý hạ tầng kỹ thuật nông thôn Việt Nam	2	X	Tạp Chí Kinh Tế Xây Dựng ISSN: 1859-4921			Số 01/2018, trang 33-38	2018
56	Thực trạng hạ tầng kỹ thuật nông thôn Việt Nam	2	X	Tạp Chí Khoa Học Kiến Trúc và Xây Dựng ISSN: 1859-350X			Số 31, 8.2018, trang 58-63	2018
57	Sử dụng mô hình Binary Logistic để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng trong phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật giao thông nông thôn Đồng Nai	2		Tạp Chí Kinh Tế Xây Dựng ISSN: 1859-4921			Số 04/2019, trang 39-48	2019
58	Chính sách đầu tư đối tác công tư (PPP) trong phát triển cơ sở hạ tầng Việt Nam	2		Tạp Chí Kinh Tế Xây Dựng ISSN: 1859-4921			Số 4/2020, trang 10-16	2020
59	Determine the Vulnerability of Urban Surface Water Resources in Rach Gia City, Vietnam Using Geographic Information System	2	X	International Journal of GEOMATE ISSN: 2186-2990	ISI (ESCI) Scopus Q3 (IF: 1.800)		Số 17(63), trang 340-346	2019
60	Multiple Objective Genetic Algorithms for Solving Traffic Signal Optimization Issue at a Complex Intersection: A Case Study in Taichung City, Taiwan	4		The Open Civil Engineering Journal ISSN: 1874-1495	Scopus (IF: 2.100)		Số. 2020(14), trang 126-140	2020
61	Communities' Physical Contributions for Developing Rural Transport Infrastructure in Dong Nai Province, VN	1	X	The Open Transportation Journal ISSN: 1874-4478	Scopus (IF: 2.100)		Số. 2020(14), trang 14-21	2020
III.3. Hướng nghiên cứu 3 – Nâng cao chất lượng đào tạo, Công nghệ mới trong xây dựng, Nghiên cứu đa ngành – đa lĩnh vực, ... (sẽ phát triển tiếp trong tương lai)								
62	Strategic Solutions for E-Logistics Services in Hochiminh City, Vietnam	2		AIP Conference: Construction Digitalisation for Sustainable Development: Transforming Through Innovation ISBN: 1551-7616	Hội thảo quốc tế có uy tín Scopus		12 trang	2020
63	Application of Autodeck Software for Designing and Managing Planning Projects on Conceptual Stage 1	3	X				11 trang	
III - BA NĂM GẦN NHẤT ĐẾN NGÀY XÉT GIÁO SƯ (02/7/2021 -01/7/2024)								
III.1. Hướng nghiên cứu 1 - Quản lý xây dựng (bao gồm Quản lý dự án đầu tư xây dựng)								
64	Quản lý vốn tại các tổng công ty xây dựng thuộc Bộ xây dựng	2	X	Tạp Chí Khoa Học Kiến Trúc và Xây Dựng ISSN: 1859-350X			Số 48, 06.2023, trang 93-98	2023

1	2	3	4	5	6	7	8	9
65	Áp dụng lý thuyết quản lý tức thời (JIT) trong thi công xây dựng tại Việt Nam	1	X	Tạp Chí Kinh Tế Xây Dựng ISSN: 1859-4921			Số 03/2023, Trang 9-16	2023
66	The Impact of Covid-19 on the Construction Industry in Developing Countries: Empirical Evidence from Vietnam	5		The International Journal of Built Environment and Sustainability ISSN: 2289-8948	ISI (ESCI) Q3		Số. 8(3) trang 47-61	2021
67	Investigating Construction Delay Factors and Their Causes on Reservoir Projects in Vietnam	2	X	Civil Engineering and Architecture ISSN: 2332-1121	Scopus (IF: 1.200)		Số. 9(7), trang 2338-2352	2021
68	Critical Success Factors for Implementing PPP Infrastructure Projects in Developing Countries: the Case of Vietnam	3	X	The Innovative Infrastructure Solutions ISSN: 2364-4184	ISI (ESCI) Scopus Q2 (IF: 2.500)		Số. 2022-7: 89 trang 1-13	2022
69	Comparing the risk management standpoint between the project participants for the urban road transport projects in Hanoi	4		Archives of Civil Engineering ISSN: 1230-2945	ISI (ESCI) Scopus Q3 (IF: 2.200)		Số. 68(2)	2022
70	Evaluating the Stakeholders' Satisfaction with Design and Construction of Resilient Houses in Vietnam	2	X	Journal of Sustainability ISSN: 2071-1050	SCIE/SSCI Scopus Q1 (IF:3.90)		Số 15(5), 4437, trang 1-17	2023
71	Maintenance Policies and Practices on Resilient Houses: Case Study from a Coastal Resilience Project in Vietnam	2	X	Journal of Sustainability ISSN: 2071-1050	SCIE/SSCI Scopus Q1 (IF:3.90)		Số 15(7), 5842, trang 1-24	2023
72	A study on time schedules for construction projects in Hanoi, Vietnam	1	X	Archives of Civil Engineering ISSN: 1230-2945	ISI (ESCI) Scopus Q3 (IF: 2.200)		Số 1(2024), trang 667-691	2024

III.2. Hướng nghiên cứu 2 - Quản lý đô thị và nông thôn (bao gồm các nội dung về Kinh tế Tài chính đô thị, Giao thông đô thị và Hạ tầng đô thị - nông thôn)

73	Analysis of Factors Affecting E-logistics Services on Urban Management at Hochiminh City, Vietnam	3	X	Entrepreneurship and Sustainability Issues ISSN: 2345-0282	ISI (ESCI) Q2 (IF: 2.570)		Số. 8(4), trang 363-376	2021
74	Implementation of PPP for Urban Metro System: Critical Issues for Developing Countries	2		6 th Int. Conference on Geotechnics, Civil Engineering Works and Structures ISBN: 2366-2557	Scopus		08 trang	2021
75	Analysis of Participation Factors for Enhancing Rural Transportation System: A Case Study of South-eastern Provinces of Vietnam	2	X	The Open Transportation Journal ISSN: 1874-4478	Scopus (IF: 2.100)		Số. 2021(15), trang 105-210	2021

1	2	3	4	5	6	7	8	9
76	Community Participation for Developing Rural Transport Infrastructure in DongNai Province, Vietnam	3	X	Transport Problems ISSN: 2300-861X	ISI (ESCI) Scopus Q3 (IF: 1.800)		Số. 16(2), trang 45-57	2021
77	Genetic Algorithm Application in Optimizing Traffic Signal Timing Reflecting Verhicle Emission Intensity	3	X	Transport Problems ISSN: 2300-861X	ISI (ESCI) Scopus Q3 (IF: 1.800)		Số. 17(1), trang 1-16	2022
78	Utilization of Geographic Information System (GIS) for Urban Management of RachGia City, Vietnam	2	X	Archives of Civil Engineering ISSN: 1230-2945	ISI (ESCI) Scopus Q3 (IF: 2.200)		Số. 68(2)	2022
79	Measuring transport-related social exclusion at Meso level using concept of isolated urban islands	2	X	Transport Problems ISSN: 2300-861X	ISI (ESCI) Scopus Q3 (IF: 1.800)		Số. 17(2), trang 5-18	2022
80	Traffic signal timing optimization for isolated urban intersections considering environmental problems and non-motorized vehicles by using constrained optimization solutions	4		The Innovative Infrastructure Solutions ISSN: 2364-4184	ISI (ESCI) Scopus Q2 (IF: 2.500)		Số 2022-7(5): 299/1-12	2022
81	Research on Public-Private Partnership (PPP) Investment under Build - Operate - Transfer (BOT) and Build-Lease-Transfer (BLT) Contract Types in the High-Speed North-South Rail Project (HSR), the Hanoi - Vinh Line	3	X	The Open Transportation Journal ISSN: 1874-4478	Scopus (IF: 2.100)		Số. 2024(18), trang 1-14	2024
III.3. Hướng nghiên cứu 3 – Nâng cao chất lượng đào tạo, Công nghệ mới trong xây dựng, Nghiên cứu đa ngành – đa lĩnh vực, ... (sẽ phát triển tiếp trong tương lai)								
82	Xây dựng và thử nghiệm quy trình BIM trong giai đoạn thiết kế quy hoạch: Thực tiễn tại khu đô thị Capella	2	X	Tạp Chí Xây Dựng ISSN: 2734-9888			Số 2/2021, trang 60-63	2021

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS: 16 bài có thuộc danh mục cơ sở dữ liệu Scopus và/hoặc ISI, số 47,48,59,61,67,68,70,71,72,73,75,76,77,78,79,81.

- Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả sau khi được công nhận PGS: 04 bài có thuộc danh mục cơ sở dữ liệu Scopus và/hoặc ISI, số 60,66,69,80.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: KHÔNG

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): KHÔNG

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Tham gia xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành quản lý dự án xây dựng, ngành Kỹ thuật xây dựng	Ủy viên	Quyết định số 987/QĐ-ĐHKT-TH ngày 16/12/2020 của Hiệu trưởng trường đại học kiến trúc Hà Nội	Trường đại học Kiến trúc Hà Nội	Quyết định số 321/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 6/8/2021 của Hiệu trưởng trường đại học kiến trúc Hà Nội	Chuyên ngành quản lý dự án xây dựng, ngành Kỹ thuật xây dựng đã tuyển sinh và có sinh viên từ năm học 2021-2022
2	Tham gia điều chỉnh và hoàn thiện chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ và tiến sỹ ngành quản lý đô thị và công trình và ngành quản lý xây dựng	Giảng viên dạy các môn học của ngành quản lý đô thị và công trình		Trường đại học Kiến trúc Hà Nội		
3	Tham gia ban biên tập Tạp chí Khoa học công nghệ xây dựng, Trường đại học xây dựng Hà Nội	Thành viên ban biên tập	Quyết định số 24/QĐ-ĐHXD ngày 11/01/2021 của Hiệu trưởng trường đại học xây dựng Hà Nội	Trường đại học xây dựng		
4	Tham gia góp ý, phản biện, hội đồng cho một loạt các chương trình đào tạo về xây dựng của các cơ sở đào tạo khác	Chuyên gia, thành viên hội đồng, người phản biện, thư ký		Các cơ sở đào tạo khác		

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS: Được bổ nhiệm PGS từ năm 2015, được hơn 09 năm và đủ theo yêu cầu

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV GS): Tham gia giảng dạy từ tháng 1 năm 2007, được 17 năm 06 tháng và đã đủ theo yêu cầu

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp: đã đủ theo yêu cầu

+ Giờ chuẩn giảng dạy: đã đủ theo yêu cầu

(Minh chứng được thể hiện trong Bản xác nhận thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên, Tập 1 phần 5 trang 31-37)

- Hướng dẫn chính NCS:

+ Đã hướng dẫn chính 02 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS): đã đủ theo yêu cầu

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 02 đề tài cấp cơ sở (CN); 02 đề tài cấp bộ (CN); 01 đề tài cấp thành phố (CN): đã đủ theo yêu cầu

- Đã có 16 CTKH (bài báo quốc tế) thuộc danh mục cơ sở dữ liệu Scopus và/hoặc ISI là tác giả chính (và tác giả liên hệ) sau khi được bổ nhiệm PGS; phần 7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố số [Trang 2-17]: đã đủ theo yêu cầu.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

Biên soạn 11 cuốn sách (chuyên khảo, tham khảo, giáo trình, tài liệu giảng dạy) phục vụ đào tạo: đã đủ theo yêu cầu.

Tự nhận thấy rằng Ứng viên đã có đủ các tiêu chuẩn so với quy định, và không cần công trình khoa học thay thế. Tuy nhiên trong trường hợp Hội đồng giáo sư các cấp cho rằng Ứng viên cần công trình khoa học thay thế thì Ứng viên đề xuất thay thế từ phần 7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố như sau:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus(IF)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
60	Ưu tiên thay thế 1: Multiple Objective Genetic Algorithms for Solving Traffic Signal Optimization Issue at a Complex Intersection: A Case Study in Taichung City, Taiwan	4		The Open Civil Engineering Journal ISSN: 1874-1495	Scopus (IF: 2.100)		Số. 2020(14), trang 126-140	2020
66	Ưu tiên thay thế 2: The Impact of Covid-19 on the Construction Industry in Developing Countries: Empirical Evidence from Vietnam	5		The International Journal of Built Environment and Sustainability ISSN: 2289-8948	ISI (ESCI) Q3		Số. 8(3) trang 47-61	2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

69	Ưu tiên thay thế 3: Comparing the risk management standpoint between the project participants for the urban road transport projects in Hanoi	4		Archives of Civil Engineering ISSN: 1230-2945	ISI (ESCI) Scopus Q3 (IF: 2.200)		Số. 68(2)	2022
80	Ưu tiên thay thế 4: Traffic signal timing optimization for isolated urban intersections considering environmental problems and non-motorized vehicles by using constrained optimization solutions	4		The Innovative Infrastructure Solutions ISSN: 2364-4184	ISI (ESCI) Scopus Q2 (IF: 2.500)		Số 2022-7(5): 299	2022

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐINH TUẤN HẢI